

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 227/2023/DS-PT
Ngày 26 tháng 9 năm 2023
V/v tranh chấp “Chia thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà, ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 172/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023; tranh chấp “Chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2023/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023, của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2023/QĐXX-PT ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1955; cư trú: Số B, tổ A, ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1977; cư trú: số B, đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 *Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Tô Minh P1 (chết năm 2016);*

3.1.1. Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1949

3.1.2 Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1977

Cùng cư trú: số B, đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.1.3 Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1981; cư trú: A, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Thị Phương D: Bà Lê Lâm T, sinh năm 1970; cư trú: số B, đường C, tổ A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: số A L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo các giấy ủy quyền được chứng nhận số 176 và 177, cùng ngày 25/02/2021). (Có mặt)

3. 2. Ông Trần Văn S, sinh năm 1973. (Vắng mặt, có đơn xin vắng)

3.3. Bà Trần Thị Thảo N, sinh năm 1996. (Vắng mặt, có đơn xin vắng)

3. 4. Ông Trần Hoàng D1, sinh năm 1999. (Vắng mặt, có đơn xin vắng)

3. 5. Cháu Vũ Mạnh Quốc B, sinh năm 2012 (Vắng mặt, có đơn xin vắng)

Cùng cư trú: số B, đường Đ, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của cháu B: Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1975; Cư trú: phòng 503, Chung cư H, phường C, quận B, Hà Nội và bà Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1989; cư trú: số C, Nguyễn Trường T1, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (là cha mẹ cháu B). (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim Q là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Thành p (chết năm 2002) và bà Nguyễn Thị A (tên thường gọi là Sáu N2, chết năm 2007) chung sống với nhau có 03 người con, gồm: Nguyễn Tô C (thường gọi là P2, chết năm 1967, không vợ con), Nguyễn Thị Kim Q và Tô Minh P1 (chết năm 2016). Khi còn sống cha mẹ bà có tạo lập được những tài sản sau:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất diện tích 1.961m² tọa lạc tại số H, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nguồn gốc phần đất này do bà A nhận chuyển nhượng từ dòng họ bên ngoại, khi nhận chuyển nhượng các bên có lập tờ thỏa thuận vào ngày 30/5/1995, nhưng bà A không đứng tên nhận chuyển nhượng mà để cho con bà là Tô Minh P1 đại diện ký thỏa thuận. Đối với quyền sử dụng đất này khi bà A còn sống có lập tờ di chúc ngày 30/7/2000 phân chia cho bà P1 và bà Q mỗi người 1.000 m². Đồng thời, trên đất có xây dựng căn nhà tình nghĩa cho bà A với diện tích ngang 04m x chiều dài 20m = 80m², cấu trúc nền gạch, vách gạch, mái tole.

- Tài sản thứ hai: Căn nhà loại bê tông cốt thép gắn liền với quyền sử dụng đất với diện tích 144m² (ngang 12m, dài 12m), nền gạch, vách gạch, mái tole; tọa lạc tại số B, đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Khi còn sống, bà A cùng vợ chồng ông M, bà P1 sinh sống trong căn nhà này, đến khi bà A chết thì bà P1 quản lý, sử dụng; sau khi bà P1 chết thì căn nhà và đất do bà P là con bà P1 quản lý, sử dụng đến nay. Lý do bà Q không sống trong căn nhà là vì bà có chồng và sinh

sống bên chồng ở huyện P. Nguồn gốc căn nhà và đất do bà A mua lại của ông bà Từ trong Đ, khi mua giữa các bên không lập giấy tờ mua bán.

Do cha mẹ bà chết đều không để di chúc nên sau khi bà P1 chết thì giữa bà Q với chồng, con bà P1 là ông M, bà P và bà D không thống nhất về việc phân chia di sản nên xảy ra tranh chấp, ông M và bà P không thừa nhận đây là tài sản do ông P3 và bà A để lại mà cho rằng là tài sản riêng của bà P1 và ông M. Vì vậy, bà Q khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ là ông Nguyễn Thành P4, chết năm 2002 và bà Nguyễn Thị A, chết năm 2007 để lại, cụ thể như sau:

- Đối với, căn nhà bê tông cốt thép được xây dựng gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 144m² (ngang 12m, dài 12m), nền gạch, vách gạch, mái tole; tọa lạc tại số B, đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Bà Q đồng ý giao cho bà P, ông M và bà D tiếp tục quản lý, sử dụng nhưng không được quyền sang nhượng, trường hợp không đồng ý với thỏa thuận này thì bà Q yêu cầu chia và yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, ước lượng khoảng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Đối với, căn nhà tình nghĩa với diện tích ngang 04m x chiều dài 20m = 80m², nền gạch, vách gạch, mái tole, gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 1.961m²; tọa lạc tại số H, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Bà Q yêu cầu chia và yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ hiện vật là phần đất có căn nhà để làm nơi thờ cúng, ước lượng giá trị căn nhà và đất khoảng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Sau khi có kết quả đo đạc, thể hiện tài sản tranh chấp có sự biến động về diện tích so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên bà Q xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về phần đất tọa lạc tại số H, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, bà Q yêu cầu chia tổng diện tích 1625,9 m², trong đó: đất ở nông thôn diện tích 595,6 m² được giới hạn bởi các điểm 27, 28, 29, 30; đất cây lâu năm diện tích 1030,3 m² được giới hạn bởi các điểm 31, 32, 33, 6, 34, 35. Trên phần đất diện tích 1030,3 m² có xây dựng căn nhà tình nghĩa với tổng diện tích 77m², gồm nhà trước diện tích 66,5m² được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 10, 9, 8, 7, 6; nhà sau diện tích 10,5 m² được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5 (theo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 05/6/2021).

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2021 thì trên phần đất tọa lạc tại số H, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thể hiện: trên phần đất diện tích 595,6 m² có 01 ngôi mộ của bà Tô Minh P1, 01 cây vú sữa, 20 bụi tre; trên phần đất 1030,3 m² có căn nhà tình nghĩa do bà Tô Minh P1 đứng tên với diện tích 51,5 m² và 10 cây xoài, 03 cây dừa, 03 cây cóc T2, 02 cây bằng lăng, 02 bụi chuối, 04 cây đu đủ và 01 nhà vệ sinh. Bà Q xác định bà không có ý kiến và không yêu cầu gì đối với ngôi mộ của bà P1 trên đất (vì ngôi mộ được xây dựng trên phần đất bà khi bà A còn sống cũng đồng ý cho bà P1 nên không ảnh hưởng đến phần đất phía trước mà bà A đã hứa cho bà), không tranh chấp đối với 01 cây vú sữa, 20 bụi tre, 10 cây xoài, 03 cây dừa, 03 cây cóc T2, 02 cây bằng lăng, 02 bụi chuối, 04 cây đu đủ và 01 nhà vệ sinh có trên đất.

Mặc dù, theo bản hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C1 lập ngày 05/6/2021 đều thể hiện thông tin là bà Tô Minh P5, nhưng bà Q xác định thông tin chính xác là Tô Minh P1. Các thông tin còn lại của bản hiện trạng này bà Q thống nhất và không có ý kiến.

- Về căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số B, đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang: bà Q yêu cầu chia căn nhà cùng quyền sử dụng đất diện tích 87,6 m² được giới hạn bởi các điểm 17, 15, 11, 16; tổng diện tích sàn là 175,2 m² (theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L lập ngày 09/6/2021). Một phần căn nhà được giới hạn bởi các điểm 6, 8, 15, 11 theo bản trích đo này thì bà Q không tranh chấp và không ý kiến.

Đối với các tài sản trên, bà Q yêu cầu chia đôi, yêu cầu được nhận hiện vật. Lý do có sự thay đổi yêu cầu khởi kiện so với ban đầu là vì lúc đầu bà chỉ ước lượng diện tích chứ không biết chính xác nên sau khi có kết quả đo đạc thì bà xác định lại đúng diện tích theo hiện trạng thực tế.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Q: bản photo di chúc ngày 30/7/2000 của bà Nguyễn Thị A, các văn bản xác nhận của ông Nguyễn Thành S1, ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Kim T3.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Minh P1 thì bà Q không có ý kiến vì khi cấp giấy chứng nhận cho bà P1 thì bà A và bà Q đều biết và cũng đồng ý, nhằm tạo điều kiện để bà P1 đứng tên vay tiền của Ngân hàng nên gia đình thống nhất cho bà P1 đứng tên chứ thực chất các tài sản đều là của bà A, không phải của bà P1, nhưng do là mẹ con ruột nên khi bà A để bà P1 đứng tên dùm trong Tờ thỏa thuận ngày 30/5/1995 và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các bên không lập văn bản thể hiện nên bà Q không thể cung cấp. Bà Q xác định không có ý kiến đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P1 và bà P.

Quá trình giải quyết, bà Q thống nhất với giá do Hội đồng định giá định theo các biên bản định giá ngày 01/6/2021 và biên bản định giá ngày 25/5/2022; không yêu cầu phải định giá lại.

Bị đơn Bà P thống nhất trình bày của bà Q về việc ông bà ngoại bà là ông Nguyễn Thành p (chết năm 2002) và bà Nguyễn Thị A (tên thường gọi là Sáu N2, chết năm 2007) chung sống với nhau có 03 người con, gồm: Nguyễn Tô C (thường gọi là P2, chết năm 1967, không vợ con), Nguyễn Thị Kim Q và Tô Minh P1 (chết năm 2016).

Đối với trình bày của bà Q cho rằng các tài sản như trên là do ông P4 và bà A để lại và yêu cầu chia thì bà P không đồng ý, vì: Căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc tại số B, đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là do cha mẹ bà là ông Nguyễn Hoàng M và bà Tô Minh P1 mua vào khoảng năm 1976 với giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), diện tích 70m²; đặc điểm nhà lá, vách ván, sàn xi măng. Sau đó, ngày 06/9/1976 ông M có thực hiện kê khai mẫu chung, đến ngày

08/8/1991 thì ông M kê khai lần hai, hơn nữa trong quá trình sử dụng do nhà bị hư hỏng nên ông M có tiến hành sửa chữa lại nhiều lần. Ngày 28/12/2016, bà P1 chết nhưng không để lại di chúc nên bà P cùng gia đình tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay, như vậy gia đình bà đã quản lý và sử dụng nhà và đất này trên 46 năm, không có ai tranh chấp. Do đó, việc bà Q cho rằng đây là di sản của ông P4 và bà A để lại và yêu cầu chia là không có căn cứ, đây là tài sản của ông M và P1 tạo lập chứ không phải là di sản của ông P4 và bà A như bà Q trình bày.

Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 1625,9 m², trong đó: 595,6 m² đất ở nông thôn và 1030,3 m² đất trồng cây lâu năm khác; tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang:

Phần đất có nguồn gốc do bà Tô Minh P1 nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị T4 và Nguyễn Văn S2 (H1, con bà T4) vào ngày 30/5/1995, diện tích chuyển nhượng là 1.961 m², các bên có lập tờ thỏa thuận có xác nhận của ban ấp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M (nay là UBND xã M) ngày 30/5/1995; sau khi nhận chuyển nhượng thì ông M, bà P1 trực tiếp quản lý, sử dụng và chăm lo cho bà ngoại (bà A) đến khi bà ngoại mất. Quá trình sử dụng, vào năm 2001 cha mẹ bà đồng ý cho bà A xây dựng căn nhà tình nghĩa trên đất, căn nhà được xây dựng với diện 51,5m² (ngang 5m, dài 10,3m). Đến ngày 16/3/2005, ông Nguyễn Hoàng M và bà Tô Minh P1 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 136532, sổ vào sổ: H0068sB; thửa đất số 5330; tờ bản đồ số 03 với diện tích 1.366m². Ngày 25/11/2016, bà Tô Minh P1 tiếp tục được Sở T5 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE767483, sổ vào sổ CS04424; thửa đất số 45; tờ bản đồ số 61 với diện tích 595,6m²; cùng tọa lạc tại huyện C, tỉnh An Giang. Vào thời điểm ông M và bà P1 được cấp các giấy chứng nhận thì ông P4 và bà A vẫn còn sống, đồng ý, không phản đối và cũng không tranh chấp.

Ngày 28/12/2016, bà P1 chết, không để lại di chúc nên bà P và các thành viên gia đình (hàng thừa kế thứ nhất của bà P1) đã làm thuận phân để phân chia các quyền sử dụng đất nêu trên cho bà P và sau đó bà P được cấp lại theo các giấy quyền sử dụng đất cụ thể: thửa 45, tờ bản đồ 61, diện tích 595,6 m² do Sở T5 cấp ngày 18/02/2020 và thửa 59, tờ bản đồ số 61, diện tích 1030,3m² do Sở T5 cấp ngày 18/02/2020; tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang mang tên Nguyễn Thị Mai P. Lý do có sự biến động giảm về diện tích so với thời điểm cấp giấy chứng nhận cho bà P1 là do chính sách của Nhà nước về làm đường giao thông và được bà P thống nhất khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận.

Do đó, bà P xác định các quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của cha mẹ bà P và hiện nay đã được tặng cho bà, đây là tài sản của bà chứ không phải di sản của ông bà ngoại bà như bà Q trình bày và yêu cầu. Riêng đối với căn nhà tình nghĩa trên đất bà P thống nhất là di sản của bà A, vì tình cảm di cháu nên nếu bà Q đồng ý thì bà P tự nguyện giao toàn bộ căn nhà tình nghĩa có kết cấu bê tông cốt thép, nền lát gạch tàu, mái lợp tole lạnh; gắn liền với phần đất tổng diện tích là 77m², gồm nhà chính được giới hạn bởi các điểm điểm 1,2, 10, 9, 8, 7, 6 với diện tích 66,5 m² và nhà

sau được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5 với diện tích 10,5 m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (theo bản hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C lập ngày 05/6/2021) cho bà Q toàn quyền quản lý, sử dụng; trường hợp bà Q không đồng ý thì bà P yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý trả lại giá trị kỷ phần thừa kế của căn nhà cho bà Q và các đồng thừa kế khác theo giá Hội đồng định giá đã định, riêng kỷ phần thừa kế bà được nhận bà đồng ý giao lại cho bà Q.

Mặc dù, theo bản hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C1 lập ngày 05/6/2021 đều thể hiện thông tin là bà Tô Minh P5, nhưng bà P xác định thông tin chính xác là Tô Minh P1. Các thông tin còn lại của bản hiện trạng này bà P thống nhất và không có ý kiến.

Bà P xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Tô Minh P1 gồm: ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Thị Mai P và bà Nguyễn Thị Phương D. Ngoài ra không còn ai khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Mạnh Quốc B do ông Vũ Mạnh H và bà Nguyễn Thị Ngọc B1 là đại diện theo pháp luật vắng mặt, không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 25/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 134, Điều 135, Điều 136, Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q về việc chia di sản thừa kế đối với căn nhà diện tích 77m², gồm: nhà chính diện tích 66,5 m², được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 10, 9, 8, 7, 6 và nhà sau diện tích 10,5 m², được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5 theo bản hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C1 lập ngày 05/6/2021.

Giao căn nhà diện tích 77 m², gồm: nhà chính diện tích 66,5 m², được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 10, 9, 8, 7, 6 và nhà sau diện tích 10,5 m², được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5 theo bản hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C lập ngày 05/6/2021 cho bà Nguyễn Thị Mai P quản lý, sử dụng và toàn quyền định đoạt. Bà Nguyễn Thị Mai P có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh biến động theo quy định pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai P phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim Q giá trị di sản thừa kế là 53.380.000 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 1625,9 m²; trong đó: đất ở nông thôn diện tích 595,6 m², số thửa 45, tờ bản đồ 61, được giới hạn bởi các điểm 27, 28, 29, 30 và đất cây lâu năm diện tích 1030,3 m², số thửa 59, tờ bản đồ 61, được giới hạn bởi các điểm 31, 32, 33, 6, 34, 35; đất tọa lạc tại số H, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 05/6/2021 và căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 87,6 m² được giới hạn bởi các điểm 17, 15, 11, 16; tổng diện tích sàn là 175,2 m² theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L lập ngày 09/6/2021.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 6.403.400 đồng (Sáu triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm đồng) chi phí đo đạc; xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Q đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Q phải chịu 2.969.000 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà Q là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí và được chấp nhận nên bà Q được miễn tiền án phí theo quy định.

Ngày 29/5/2023, nguyên đơn là Nguyễn Thị Kim Q kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án; ngoài ra, các đương sự không ý kiến gì thêm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Q kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ; nhưng có đơn xin vắng mặt; Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung;

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được Hội đồng xét xử công nhận như sau;

Giao căn nhà diện tích 77m², gồm: nhà chính diện tích 66,5 m², được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 10, 9, 8, 7, 6 và nhà sau diện tích 10,5 m², được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5 theo bản hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C lập ngày 05/6/2021, cho bà Nguyễn Thị Kim Q quản lý, sử dụng và toàn quyền định đoạt; bà Nguyễn Thị Kim Q có trách nhiệm đền Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh biến động theo quy định pháp luật.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm giữ y;

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Q là người cao tuổi được miễn theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148; Điều 296; Điều 300 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên;

Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự bà Nguyễn Thị Kim Q và bà Nguyễn Thị Mai P do bà Lê Lâm T đại diện theo ủy quyền như sau:

- Giao căn nhà diện tích 77 m², gồm: nhà chính diện tích 66,5 m², được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 10, 9, 8, 7, 6 và nhà sau diện tích 10,5 m², được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5 theo bản hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C lập ngày 05/6/2021 cho bà Nguyễn Thị Kim Q quản lý, sử dụng và toàn

quyền định đoạt. Bà Nguyễn Thị Kim Q có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh biến động theo quy định pháp luật.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 1625,9 m²; trong đó: đất ở nông thôn diện tích 595,6 m², sổ thửa 45, tờ bản đồ 61, được giới hạn bởi các điểm 27, 28, 29, 30 và đất cây lâu năm diện tích 1030,3 m², sổ thửa 59, tờ bản đồ 61, được giới hạn bởi các điểm 31, 32, 33, 6, 34, 35; đất tọa lạc tại số H, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 05/6/2021 và căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 87,6 m² được giới hạn bởi các điểm 17, 15, 11, 16; tổng diện tích sàn là 175,2 m² theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L lập ngày 09/6/2021.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 6.403.400 đồng (Sáu triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm đồng) chi phí đo đạc; xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Q đã nộp đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Q là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí và được chấp nhận nên bà Q được miễn tiền án phí theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn